



CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Số: 04/TTr-HĐQT-PCTH

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

## TỜ TRÌNH

*(Về việc bổ sung/sửa đổi Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty)*

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 62/2010/QH11 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina;

Để phù hợp với những thay đổi trong Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014, HĐQT Công ty cổ phần Cokyvina kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt việc sửa đổi một số nội dung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Số TT	Điều/ khoản	Điều lệ ngày 24/4/2014	Điều lệ đề nghị sửa lại/ bổ sung thêm	Lý do đề nghị sửa đổi
1.	2.	3.	4.	5.
1.	<b>Phần Mở đầu</b>	Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần COKYVINA (dưới đây gọi là "Công ty") thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Buru chính Viễn thông thông qua ngày 24/4/2014	Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần COKYVINA (dưới đây gọi là "Công ty") thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 2016 thay thế cho Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần COKYVINA ngày 24/4/2014	
2.	<b>Điều 1. Định nghĩa</b>	a. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.	b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.	Theo luật Doanh nghiệp 2014
3.	<b>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b>	Chưa có	Bổ sung thêm các ngành nghề: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Giới thiệu việc làm cho người lao động.</li> <li>- Cung ứng lao động tạm thời. Chi tiết: Cho thuê lao động.</li> <li>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động.</li> <li>- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật).</li> </ul>	Công ty có nhu cầu mở rộng phạm vi hoạt động



4.	<b>Điều 14.2.O</b> <b>Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:  Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất	Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:  Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162, khoản 1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Theo luật DN 2014 (điều 162.1)
5.	<b>Điều 18</b> <b>Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông</b>	1-Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.  2- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.  3-Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <i>51% cổ phần</i> có quyền biểu quyết.  2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo qui định tại khoản 1 nói trên, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất <i>33% cổ phần</i> có quyền biểu quyết.  3.Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết thiết theo qui định tại khoản 2 nói trên, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	Theo luật DN 2014 (điều 141)



6.	<p><b>Điều 20.2</b></p> <p><b>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 0</u> của 0, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được <i>thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty</p> <p>c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 0 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>d. Các nội dung còn lại</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến (a) loại cổ phần và số lượng cổ phần; (b) sáp nhập, thay đổi ngành nghề kinh doanh; tái tổ chức và giải thể Công ty, (c) dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông, hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>Theo luật DN 2014 (Điều 144)</p>
----	---	--	---	-------------------------------------



7.	<b>Điều 25.4.c</b>  Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 Luật Doanh nghiệp - Trừ các trường hợp quy định tại Điều 135.2.d, điều 162.1 và 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn- Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	Theo luật DN 2014 (Điều 149.2)
8.	<b>Điều 35.</b>  Thành viên Ban kiểm soát	Số lượng thành viên Ban kiểm soát của công ty phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định 1 thành viên làm trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là người có chuyên môn kế toán.	Số lượng thành viên Ban kiểm soát của công ty phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. <i>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</i> Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này; b) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; c) <i>Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</i>	Theo Luật DN 2014 (Điều 164)
9.	<b>Điều 36</b>  Ban kiểm soát	Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp. <i>(Các quyền hạn và trách nhiệm khác đã được quy định tại Điều 36 vẫn giữ nguyên, không thay đổi.)</i>	Theo luật DN 2014 (Điều 165)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *ym*

*Nơi nhận:*

- Như trên;

- Lưu: VT, PCTH.



**Phạm Ngọc Ninh**